

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HƯNG YÊN
TỈNH HƯNG YÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 49/2024/HSST
Ngày: 09 - 7 - 2024

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HƯNG YÊN, TỈNH HƯNG YÊN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Khuê

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Minh Đức

Ông Vũ Văn Xuyên

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thảo My – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hưng Yên tỉnh Hưng Yên;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hưng Yên tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thị Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 42/2024/HSST ngày 30 tháng 5 năm 2024. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2024/QĐXXST - HS ngày 25 tháng 6 năm 2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Văn B**, sinh năm 1965. HKTT: Tổ 2, khu I, phường T, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 7/10; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Nguyễn Văn T (đã chết) và bà Đoàn Thị M (đã chết); Bị cáo có vợ là Lê Thị H, sinh năm 1965 (đã ly hôn) và 02 con, lớn sinh năm 1990, nhỏ sinh năm 1993.

Tiền án:

1. Ngày 02/3/2000 bị Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên xử phạt 66 tháng tù giam về các tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản của công dân; Cưỡng đoạt tài sản của công dân; Cướp tài sản của công dân*”. Đã chấp hành xong bản án.

2. Ngày 28/3/2006 bị Tòa án nhân dân thị xã Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên (nay là Tòa án nhân dân thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên) xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”. Đã chấp hành xong bản án.

3. Ngày 31/01/2008 bị Tòa án nhân dân thị xã Hưng Yên tỉnh Hưng Yên (nay là Tòa án nhân dân thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên) xử phạt 02 năm tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Đã chấp hành xong bản án.

4. Ngày 11/01/2011 bị Tòa án nhân dân huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên xử phạt 02 năm 09 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”, truy thu của B 2.000.000 đồng sung quỹ Nhà nước. Bị cáo B phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ

thâm, đã chấp hành xong hình phạt tù. Ngày 31/8/2022 T1 án nhân dân thành phố H ra quyết định miễn nghĩa vụ thi hành án 2.000.000 đồng tiền truy thu sung quỹ Nhà nước và lãi suất chậm thi hành; tiền án phí hình sự sơ thẩm đối với B.

5. Ngày 28/02/2014 bị Tòa án nhân dân thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên xử phạt 01 năm 09 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Chấp hành xong bản án ngày 30/8/2015.

6. Ngày 30/6/2017 bị Tòa án nhân dân thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên xử phạt 06 năm tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”. Đã chấp hành xong bản án ngày 25/01/2023.

Tiền sự: Ngày 01/02/2024 bị Công an phường H, thành phố H xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

Nhân thân: Ngày 31/7/1996 bị Tòa án nhân dân huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên xử phạt 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 tháng về tội “*Tổ chức dùng chất ma túy*”.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/02/2024. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh H (có mặt tại phiên tòa).

- *Người làm chứng:* Ông Phạm Văn V, sinh năm 1951; Nơi cư trú:Đ, khu phố K, phường L, thành phố H, tỉnh Hưng Yên (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 21 giờ 20 phút ngày 20/02/2024 tại khu vực cổng Bệnh viện Lao phổi tỉnh H thuộc đường P, phường L, thành phố H, tỉnh Hưng Yên, tổ công tác Công an xã H, thành phố H, kiểm tra và bắt quả tang Nguyễn Văn B, sinh năm 1965, trú tại tổ B, khu phố I, phường T, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh, đang có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Quá trình kiểm tra B đã tự giác giao nộp từ trong lòng bàn tay phải của B 01 gói giấy màu trắng bên trong có chứa chất màu trắng dạng cục, bột. B khai nhận chất màu trắng dạng cục, bột là ma túy, loại Heroine B cất dấu để sử dụng cho bản thân. Tổ công tác đã tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, niêm phong vật chứng theo quy định và đưa B về trụ sở Công an để làm việc.

Quá trình điều tra Nguyễn Văn B khai nhận: Khoảng 20 giờ ngày 20/02/2024 B đi bộ lang thang trên địa bàn thành phố H. Sau đó B đi từ khu vực quảng trường, thành phố H đến Bệnh viện Nhiệt đới tỉnh H thuộc phường L, thành phố H với mục đích mua ma túy để sử dụng cho bản thân. Tại đây B gặp 01 người đàn ông (không biết tên, tuổi, địa chỉ) khoảng 50 tuổi có dáng vẻ giống người nghiện ma túy. B đi đến nói chuyện với người đàn ông và biết được người này có bán ma túy nên B hỏi mua ma túy của người này với số tiền 200.000 đồng, người đàn ông đồng ý bán nên B đưa cho người đàn ông này số tiền 200.000 đồng. Người đàn ông cầm tiền và đưa lại cho B 01 gói giấy màu trắng. B cầm gói giấy rồi mở ra xem thì thấy bên trong có chứa chất màu trắng dạng cục, bột. Do B là người nghiện ma túy Heroine nên B biết được chất màu trắng dạng cục, bột là ma túy loại Heroine. B cầm gói ma túy trên tay phải để đi tìm nơi sử dụng. Khi đi

đến khu vực cổng Bệnh viện Lao phổi tỉnh H thì bị Công an kiểm tra. B nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nên B đã tự giác giao nộp 01 gói ma túy cho Công an. Công an đã tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, niêm phong 01 gói ma túy và đưa B về trụ sở để làm việc.

Bị cáo Nguyễn Văn B sống lang thang, không có nơi ở cố định trên địa bàn thành phố H từ đầu năm 2023 đến nay nên Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố H không tiến hành khám xét nơi ở đối với Nguyễn Văn B.

Vật chứng thu giữ: 01 gói giấy màu trắng bên trong có chứa chất màu trắng dạng cục, bột đã được niêm phong trong một phong bì thư dán kín.

Về xử lý vật chứng: 01 phong bì niêm phong ghi số 235/KL - KTHS (MT) ngày 24/02/2024 của Phòng K - Công an tỉnh H, bên trong có 0,146 (không phải một bốn sáu gam) Heroine; 01 mảnh giấy màu trắng gói ma túy và 01 vỏ phong bì niêm phong mẫu vật gửi giám định đang được lưu giữ tại kho vật chứng Công an thành phố H chờ xử lý theo quy định của pháp luật.

Kết luận giám định số 235 /KL - KTHS(MT) ngày 24/02/2024 của Phòng K - Công an tỉnh H, kết luận: Chất màu trắng dạng cục và bột trong niêm phong, có khối lượng là: 0,162 (không phải một sáu hai gam) là ma túy, loại Heroine. H1 lại 01 phong bì niêm phong ghi số 235/KL - KTHS (MT) bên trong có 0,146 (không phải một bốn sáu gam) Heroine; 01 mảnh giấy màu trắng gói ma túy và 01 vỏ phong bì niêm phong mẫu vật gửi giám định.

Tại bản Cáo trạng số 44/CT - VKS - TPHY ngày 30/5/2024, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn B về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm o khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, đồng ý với bản Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hưng Yên đã truy tố, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bị cáo được hưởng mức án thấp nhất để sớm trở về xã hội, làm người có ích cho gia đình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hưng Yên luận tội giữ nguyên quyết định đã truy tố hành vi phạm tội của bị cáo theo bản Cáo trạng, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn B về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”. Áp dụng điểm o khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017. Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Văn B từ **05(năm) năm 06 (sáu) tháng đến 05 (năm) năm 09 (chín) tháng tù**, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 46; điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy 01 phong bì niêm phong hoàn mẫu gửi giám định của Phòng K - Công an tỉnh H ghi số 235/KL - KTHS (MT) ngày 24/02/2024, bên trong có 0,146 (không phải một bốn sáu gam) Heroine; 01 mảnh giấy màu trắng gói ma túy và 01 vỏ phong bì niêm phong mẫu vật gửi giám định. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về tố tụng, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H. Điều tra viên, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hưng Yên, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo không có ý kiến, khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Vì vậy các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội của bị cáo và các điều luật áp dụng: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa như: Biên bản bắt người phạm tội quả tang hồi 21 giờ 25 phút ngày 20/02/2024 (BL 16 - 17). Bản kết luận giám định số: 235/KL - KTHS(MT), ngày 24/02/2024 của Phòng K - Công an tỉnh H (BL số 29). Phù hợp với lời khai của người làm chứng ông Phan Văn V1 (BL 99 - 102) và các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, nên có đủ cơ sở kết luận: Hồi 21 giờ 20 phút ngày 20/02/2024 tại khu vực cổng Bệnh viện Lao phổi tỉnh H thuộc đường P, phường L, thành phố H, tỉnh Hưng Yên, Nguyễn Văn B có hành vi tàng trữ trái phép 0,162 (không phẩy một sáu hai gam) Heroine nhằm mục đích sử dụng thì bị bắt quả tang. Hành vi của bị cáo thỏa mãn các yếu tố cấu thành tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm o khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hưng Yên đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn B theo tội danh và điều luật nêu trên là đúng pháp luật.

[3]. Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

+ Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

+ Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, sẽ được HĐXX áp dụng khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[4]. Về quyết định hình phạt: Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi tàng trữ chất ma túy là vi phạm pháp luật. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về các chất ma túy, gây mất trật tự an toàn xã hội. Ma túy không chỉ gây tác hại rất lớn về sức khỏe cho chính người sử dụng. Mà còn làm ảnh hưởng đến sự phát triển lành mạnh của các thế hệ sau này, là gánh nặng cho gia đình, xã hội. Ngoài ra còn là nguyên nhân phát sinh các tệ nạn xã hội khác. Nhưng vì mục đích sử dụng cho bản thân để thỏa mãn cơn nghiện và ý thức coi thường pháp luật nên bị cáo vẫn cố ý phạm tội.

+ Bị cáo có 06 tiền án:

- Ngày 02/3/2000 bị Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên xử phạt 66 tháng tù giam về các tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản của công dân; Cường đoạt tài sản của công dân; Cướp tài sản của công dân. Bị cáo đã chấp hành xong bản án ngày 01/10/2010.

- Ngày 28/3/2006 bị Tòa án nhân dân thị xã Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên (nay là Tòa án nhân dân thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên) xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Bị cáo đã chấp hành xong bản án ngày 10/12/2010.

- Ngày 31/01/2008 bị Tòa án nhân dân thị xã Hưng Yên tỉnh Hưng Yên (nay là Tòa án nhân dân thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên) xử phạt 02 năm tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Bị cáo đã chấp hành xong bản án ngày 10/12/2010.

- Ngày 11/01/2011 bị Tòa án nhân dân huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên xử phạt 02 năm 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, truy thu của B 2.000.000 đồng sung quỹ Nhà nước, bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù. Ngày 31/8/2022 Toà án nhân dân thành phố Hưng Yên ra quyết định miễn nghĩa vụ thi hành án 2.000.000 đồng tiền truy thu sung quỹ Nhà nước và lãi suất chậm thi hành, tiền án phí hình sự sơ thẩm đối với bị cáo.

- Ngày 28/02/2014 bị Tòa án nhân dân thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên xử phạt 01 năm 09 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Bị cáo đã chấp hành xong bản án ngày 30/8/2015.

- Ngày 30/6/2017 bị Tòa án nhân dân thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên xử phạt 06 năm tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”. Bị cáo đã chấp hành xong bản án ngày 25/01/2023.

+ Về tiền sự: Ngày 01/02/2024 bị cáo bị Công an phường H, thành phố H xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “*Sử dụng trái phép chất ma túy*” bị cáo chưa chấp hành quyết định này.

+ Về nhân thân: Ngày 31/7/1996 bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên xử phạt 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 tháng về tội “*Tổ chức dùng chất ma túy*”. Bị cáo đã chấp hành xong bản án vào tháng 10/1998.

Căn cứ hành vi phạm tội, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân, tiền án, tiền sự của bị cáo và hàm lượng ma túy tàng trữ. Bị cáo có nhân thân xấu, tại Bản án số 01/2011/HSST ngày 11/01/2011 của Tòa án nhân dân huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên đã áp dụng tình tiết tăng nặng “*Tái phạm*” đối với bị cáo. Tại Bản án số 34/2017/ HSST ngày 30/6/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên đã xác định bị cáo phạm tội thuộc trường hợp “*Tái phạm nguy hiểm*”. Cả hai bản án trên bị cáo đều chưa được xóa án tích bị cáo đã bị xét xử nhiều lần về các tội liên quan tới ma túy, đã được các cơ quan tổ chức giáo dục, cải tạo tuy nhiên bị cáo không có sự thay đổi. Nay bị cáo B lại phạm tội do cố ý nên lần phạm tội này bị cáo phải chịu tình tiết định khung tăng nặng là “*Tái phạm nguy hiểm*”, điều đó chứng tỏ bị cáo là người coi thường pháp luật rất khó cải tạo, giáo dục. Hội đồng xét xử quyết định hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo. Buộc bị cáo phải cách ly xã hội một thời gian để chấp

hành hình phạt tù mới đủ tác dụng giáo dục riêng bị cáo và đấu tranh, phòng ngừa chung trong xã hội.

[5]. *Về hình phạt bổ sung*: Do bị cáo không có nghề nghiệp ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6]. *Về biện xử lý vật chứng*: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 46; điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Tịch thu tiêu hủy số ma túy còn lại sau giám định của Phòng K - Công an tỉnh H số 235/KL - KTHS (MT) bên trong có 0,146 (không phẩy một bốn sáu gam) Heroine; 01 mảnh giấy màu trắng gói ma túy và 01 vỏ phong bì niêm phong mẫu vật gửi giám định.

[7]. Đối với người đàn ông đã bán ma túy cho Nguyễn Văn B. Quá trình điều tra, bị cáo khai không biết tên, tuổi, địa chỉ cụ thể của người này. Việc mua bán ma túy giữa bị cáo với người đàn ông không có ai biết, chứng kiến, do đó Cơ quan điều tra không xác minh được người đàn ông đã bán ma túy cho B là ai nên không xử lý là có căn cứ.

[8]. *Về án phí*: Bị cáo phải chịu án phí theo Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015 và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm o khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Khoản 2 Điều 136, của Bộ luật Tố tụng hình sự. Điểm b khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1]. Tuyên bố: Bị cáo **Nguyễn Văn B** phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

[2]. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn B **05(năm)** năm **06 (sáu)** tháng tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 21/02/2024.

[3]. *Về xử lý vật chứng*: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 46; điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy số ma túy còn lại sau giám định của Phòng K - Công an tỉnh H số 235/KL - KTHS (MT) bên trong có 0,146 (không phẩy một bốn sáu gam) Heroine; 01 mảnh giấy màu trắng gói ma túy và 01 vỏ phong bì niêm phong mẫu vật gửi giám định.

(*Số lượng, chủng loại, đặc điểm, tình trạng vật chứng theo quyết định chuyên vật chứng số 38/QĐ - VKS - TPHY ngày 30 tháng 5 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên*).

[4]. *Về án phí*: Bị cáo Nguyễn Văn B phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

[5]. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- TAND tỉnh Hưng Yên (phòng KTNV);
- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND TP. Hưng Yên;
- CATP Hưng Yên;
- Cơ quan THA hình sự & dân sự TP Hưng Yên.
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đăng Khuê